

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Số: /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 25 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 32. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 25 tháng 8 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 01-DN
ĐVT: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.596.299.327.272	2.098.798.803.107
I. Tiền các khoản tương đương tiền	110		65.193.816.341	149.602.216.602
1. Tiền	111	5	65.193.816.341	149.602.216.602
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		261.360.000.000	170.880.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	261.360.000.000	170.880.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.207.365.322.411	1.095.306.579.795
1. Phải thu khách hàng	131	7	872.160.502.252	821.538.262.820
2. Trả trước cho người bán	132		31.230.191.587	13.298.252.660
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	8	151.608.415.865	136.806.625.427
4. Các khoản phải thu khác	135	9	152.366.212.707	123.663.438.888
IV. Hàng tồn kho	140	10	884.431.787.739	538.672.087.720
1. Hàng tồn kho	141		899.160.466.084	551.906.261.606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.728.678.345)	(13.234.173.886)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		177.948.400.781	144.337.918.990
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		207.318.181	18.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		176.368.171.350	143.506.755.990
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.372.911.250	813.163.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		527.112.780.640	439.879.068.357
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.997.912.077	10.997.912.077
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	8	10.997.912.077	10.997.912.077
II. Tài sản cố định	220		223.615.672.077	141.143.373.489
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	223.365.840.967	141.143.373.489
- Nguyên giá	222		633.852.918.433	523.443.529.633
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(410.487.077.466)	(382.300.156.144)
2. Tài sản vô hình	227	12	249.831.110	-
- Nguyên giá	228		14.036.412.625	13.755.352.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.786.581.515)	(13.755.352.625)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	238.459.996.707	233.764.871.384
1. Đầu tư vào công ty con	251		71.625.265.240	71.625.265.240
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		112.959.706.094	112.959.706.094
3. Đầu tư dài hạn khác	258		70.403.370.000	70.403.370.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(16.528.344.627)	(21.223.469.950)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		54.039.199.779	53.972.911.407
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	13.501.584.360	13.539.011.988
2. Tài sản dài hạn khác	268	15	40.537.615.419	40.433.899.419
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.123.412.107.912	2.538.677.871.464

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 01-DN
ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015		31/12/2014	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.414.624.209.904		1.948.357.153.205	
I. Nợ ngắn hạn	310		2.371.719.620.260		1.747.413.435.106	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	330.223.223.612		192.237.124.559	
2. Phải trả người bán	312	17	1.371.079.476.018		837.530.587.096	
3. Người mua trả tiền trước	313		118.786.443.178		116.209.082.202	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	23.606.806.714		23.423.280.294	
5. Phải trả người lao động	315		325.822.526.701		317.113.243.743	
6. Chi phí phải trả	316		20.298.193.462		9.279.820.835	
7. Phải trả nội bộ	317		19.441.979.133		4.090.292.714	
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	31.852.386.254		104.917.708.405	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		130.608.585.188		142.612.295.258	
II. Nợ dài hạn	330		42.904.589.644		200.943.718.099	
1. Phải trả dài hạn khác	333		12.253.497.798		15.647.525.564	
2. Vay và nợ dài hạn	334		-		153.416.000.000	
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337	20	27.246.883.875		27.811.105.500	
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.404.207.971		4.069.087.035	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		708.787.898.008		590.320.718.259	
I. Vốn chủ sở hữu	410		708.787.898.008		590.320.718.259	
1. Vốn điều lệ	411	21	280.000.000.000		280.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.469.859.758		24.469.859.758	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.693.895.152		1.693.895.152	
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	237.725.215.419		237.725.215.419	
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	28.000.000.000		28.000.000.000	
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23	136.898.927.679		18.431.747.930	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.123.412.107.912		2.538.677.871.464	
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			30/6/2015		31/12/2014	
1. Ngoại tệ						
- Đô la Mỹ ("USD")			1.687.600		5.897.218	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công ("VND")			325.626.368.807		316.109.640.342	


Nguyễn Bích Thủy
Người lập


Nguyễn Trâm Anh
Kế toán trưởng


Bùi Văn Tiên
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 02-DN
DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.925.890.596.978	2.529.556.024.076
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.406.940.430	1.118.265.933
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.924.483.656.548	2.528.437.758.143
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		2.626.360.835.187	2.222.537.408.587
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		298.122.821.361	305.900.349.556
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	25.285.018.877	20.686.626.533
7. Chi phí tài chính	22	26	7.795.642.576	10.518.112.685
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.500.000.000	3.500.060.172
8. Chi phí bán hàng	24		95.571.544.496	104.854.314.768
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		73.064.729.834	79.566.519.911
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		146.975.923.332	131.648.028.725
11. Thu nhập khác	31		5.572.478.729	5.419.005.314
12. Chi phí khác	32		1.923.715.570	3.042.828.022
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	3.648.763.159	2.376.177.292
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		150.624.686.491	134.024.206.017
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	32.157.506.742	26.087.129.531
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		118.467.179.749	107.937.076.486



Nguyễn Bích Thủy
Người lập



Nguyễn Trâm Anh
Kế toán trưởng



Bùi Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2015



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 03-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>150.624.686.491</i>	<i>134.024.206.017</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	37.025.317.786	24.465.338.994
Các khoản dự phòng	03	(3.200.620.864)	2.395.829.833
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.867.909.339)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(15.346.734.857)	(14.259.327.021)
Chi phí lãi vay	06	3.500.000.000	3.500.060.172
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>172.602.648.556</i>	<i>148.258.198.656</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(200.973.721.189)	(169.595.257.677)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(347.254.204.478)	(123.800.265.461)
Thay đổi các khoản phải trả	11	675.654.071.879	285.512.261.769
Thay đổi chi phí trả trước	12	(151.890.553)	46.427.628
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(9.916.060.172)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(31.412.670.974)	(49.097.435.557)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	590.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.667.174.320)	(7.040.088.492)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>255.797.058.921</i>	<i>74.368.370.694</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(133.829.021.123)	(21.226.172.521)
2. Tiền thu do thanh lý và nhượng bán tài sản cố định	22	89.136.364	181.272.725
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(60.000.000.000)	(49.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	33.000.000.000	16.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(91.320.000.000)	(67.229.999.789)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	840.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.944.326.524	10.261.372.014
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(237.275.558.235)</i>	<i>(110.513.527.571)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	112.296.997.130	148.876.076.120
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(131.226.898.077)	(59.261.475.560)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(84.000.000.000)	(84.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(102.929.900.947)</i>	<i>5.614.600.560</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(84.408.400.261)	(30.530.556.317)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	149.602.216.602	183.298.525.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	6.875.819.010
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	65.193.816.341	159.643.788.370

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong kỳ không bao gồm 14.927.664.400 đồng (cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014: 28.263.145.750 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Bích Thủy
Người lập



Nguyễn Trâm Anh
Kế toán trưởng



Bùi Văn Liên
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2015

002-C
H
Y
TU HẠN
TE
A
CHI NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước “Tổng Công ty May Việt Tiến”, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000342 ngày 21 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300401524 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 280 tỷ đồng và Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Vinatex”) là cổ đông chính của Tổng Công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 8.778 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 7.158 người).

Hoạt động chính

Tổng Công ty chuyên ngành chủ yếu là sản xuất và kinh doanh may mặc, cụ thể như sau:

- Sản xuất mua bán sản phẩm dệt may các loại;
- Sản xuất, kinh doanh: nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ ngành dệt may và bao bì, thiết bị điện lạnh dân dụng và công nghiệp;
- Thiết bị điện - âm thanh - ánh sáng;
- Mua bán máy bơm gia dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ giặt, in, thêu và đào tạo cắt may công nghiệp;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, thiết bị, kho bãi; và
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, đại lý tàu biển.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Tổng Công ty; vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC (“Quyết định 15”) ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ngày 18 tháng 5 năm 2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 75/2015/TT-BTC (“Thông tư 75”) sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 75 cho phép các doanh nghiệp thuộc đối tượng phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính bán niên) được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại Quyết định 15. Theo đó, báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Tổng Công ty đã được lập theo Quyết định 15. Ban Tổng Giám đốc sẽ áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản nhận ký quỹ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá vốn, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư chứng khoán và đầu tư vào các công ty mà tỷ lệ sở hữu dưới 20%. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến các khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng lỗ đầu tư tài chính do hoạt động kinh doanh thua lỗ của các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác. Khoản dự phòng này được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan.

31125
CHI M
CÔN
H NHIL
ELO
IET
- TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và có thể không thể thanh toán các khoản nợ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh đối với nguyên phụ liệu và phương pháp bình quân gia quyền đối với thành phẩm. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu của sản phẩm may mặc trên các công đoạn sản xuất. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị quản lý	3 - 6

Tài sản vô hình và hao mòn

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm vi tính. Tài sản vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu dụng của tài sản vô hình được ước tính từ 2,5 năm đến 5 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện tiền thuê 22.261,9 m² đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Bình An thuộc Ấp Bình Thắng, Xã Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương được trả trước cho Công ty Đầu tư và Phát triển Bình Thắng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

00-6
HÁN
3 T
M HƯ
IT T
NAN
10 C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm chi phí thuê các cửa hàng. Chi phí thuê các cửa hàng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê theo hợp đồng từ trên 1 năm đến 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu từ hoạt động gia công, thu nhập từ việc cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê nhà, kho. Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ hoạt động không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. TIỀN

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	510.323.389	248.799.696
Tiền gửi ngân hàng	64.683.492.952	149.353.416.906
	<u>65.193.816.341</u>	<u>149.602.216.602</u>

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đô la Mỹ, có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và hưởng lãi suất bình quân 0,25%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 0,25%/năm).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu các bên liên quan (xem Thuyết minh 31)	29.223.554.799	9.047.406.679
Phải thu các khách hàng khác	842.936.947.453	812.490.856.141
	<u>872.160.502.252</u>	<u>821.538.262.820</u>

8. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN VÀ VỐN KINH DOANH Ở ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

	30/6/2015		31/12/2014	
	Phải thu khác	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	Phải thu khác	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tungshing	149.156.155.350	10.373.912.077	136.327.005.307	10.373.912.077
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS	2.452.260.515	624.000.000	479.620.120	624.000.000
	<u>151.608.415.865</u>	<u>10.997.912.077</u>	<u>136.806.625.427</u>	<u>10.997.912.077</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức (i)	101.422.847.221	98.850.938.888
Công ty TNHH Hà Việt Tung Shing (ii)	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á (iii)	24.720.000.000	24.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.223.365.486	812.500.000
	<u>152.366.212.707</u>	<u>123.663.438.888</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản phải thu khác bao gồm:

- (i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức là tiền gốc và lãi cho vay theo Hợp đồng 03/VTEC-CKTD/2013 và 01, 02, 03, 04, 05 & 06/VTEC-CKTD/2014. Các khoản cho vay có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân với lãi suất 8,5%/năm.
- (ii) Khoản phải thu Công ty TNHH Hà Việt Tung Shing là tiền gốc vay theo Hợp đồng 02/2015-VTEC-HVTS. Khoản vay có thời hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất 8,5%/năm.
- (iii) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á là tiền gốc và lãi cho vay theo Hợp đồng 04 & 05/VTEC-VTDA/2014. Các khoản cho vay có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân với lãi suất 6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Hàng mua đang đi đường	73.402.438.288	71.508.983.864
Nguyên liệu, vật liệu	222.495.994.423	114.164.407.678
Công cụ, dụng cụ	252.443.675	241.399.027
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	354.339.268.798	121.102.429.733
Thành phẩm	238.587.766.849	234.334.347.292
Hàng hóa	7.219.343.325	8.169.660.407
Hàng gửi đi bán	2.863.210.726	2.385.033.605
	899.160.466.084	551.906.261.606
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.728.678.345)	(13.234.173.886)
	884.431.787.739	538.672.087.720

Thay đổi trong khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	13.234.173.886	9.823.814.863
Trích trong kỳ/năm	1.494.504.459	3.410.359.023
Số dư cuối kỳ/năm	14.728.678.345	13.234.173.886

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	149.595.326.228	346.819.716.830	16.967.296.341	10.061.190.234	523.443.529.633
Tăng trong kỳ	4.000.000.000	104.137.674.059	7.101.865.455	3.977.016.860	119.216.556.374
Thanh lý	-	(8.807.167.574)	-	-	(8.807.167.574)
Tại ngày 30/6/2015	153.595.326.228	442.150.223.315	24.069.161.796	14.038.207.094	633.852.918.433
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	84.588.263.477	279.952.627.488	11.056.810.852	6.702.454.327	382.300.156.144
Khấu hao trong kỳ	4.610.563.654	30.305.577.071	967.435.950	1.110.512.221	36.994.088.896
Thanh lý	-	(8.807.167.574)	-	-	(8.807.167.574)
Tại ngày 30/6/2015	89.198.827.131	301.451.036.985	12.024.246.802	7.812.966.548	410.487.077.466
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2015	64.396.499.097	140.699.186.330	12.044.914.994	6.225.240.546	223.365.840.967
Tại ngày 31/12/2014	65.007.062.751	66.867.089.342	5.910.485.489	3.358.735.907	141.143.373.489

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản cố định với nguyên giá là 299.966.113.880 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 272.172.415.883 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	1.796.971.025	11.958.381.600	13.755.352.625
Tăng trong kỳ	281.060.000	-	281.060.000
Tại ngày 30/6/2015	2.078.031.025	11.958.381.600	14.036.412.625
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1.796.971.025	11.958.381.600	13.755.352.625
Khấu hao trong kỳ	31.228.890	-	31.228.890
Tại ngày 30/6/2015	1.828.199.915	11.958.381.600	13.786.581.515
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	249.831.110	-	249.831.110
Tại ngày 31/12/2014	-	-	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty với nguyên giá là 13.755.352.625 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 13.755.352.625 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2010, Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất tại Ấp Mỹ Hòa 4, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 11.958.381.600 đồng theo chứng thư thẩm định giá của Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Tổng Công ty đã nhận bàn giao khu đất này từ Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết tỷ lệ góp vốn và quyền biểu quyết tại các công ty con và công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	30/6/2015		31/12/2014	
	Tỷ lệ góp vốn thực tế (%)	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn thực tế (%)	Quyền biểu quyết
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Nam Thiên	83,55	83,55	83,55	83,55
Công ty TNHH May Thuận Tiến	82,50	82,50	82,50	82,50
Công ty TNHH May Tiến Thuận	82,50	82,50	82,50	82,50
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	51,00	51,00	51,00	51,00
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	25,00	66,78	25,00	66,78
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh				
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	55,06	49,00	55,06	49,00
Công ty Cổ phần May Tây Đô	45,83	45,83	45,83	45,83
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	45,15	45,15	45,15	45,15
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	40,00	40,00	40,00	40,00
Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	36,77	36,77	36,77	36,77
Công ty Cổ phần May Việt Tân	34,98	34,98	34,98	34,98
Công ty Cổ phần Việt Hưng	32,53	32,53	32,53	32,53
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	30,01	34,98	30,01	34,98
Công ty Cổ phần May Công Tiến	28,38	28,38	28,38	28,38
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	30,00	30,00	30,00	30,00
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	30,00	30,00	30,00	30,00
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	26,06	26,06	26,06	26,06
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	26,00	26,00	26,00	26,00
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	25,24	25,24	25,24	25,24
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	20,85	20,85	20,85	20,85

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH May Thuận Tiến	16.500.000.000	16.500.000.000
Công ty TNHH Nam Thiên	14.309.600.000	14.309.600.000
Công ty TNHH May Tiến Thuận	17.170.500.000	17.170.500.000
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	21.145.165.240	21.145.165.240
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	2.500.000.000	2.500.000.000
	71.625.265.240	71.625.265.240



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi tiết các khoản đầu vào công ty liên kết, liên doanh, các khoản đầu tư dài hạn khác và các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	23.138.840.000	23.138.840.000
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt Hưng	14.359.000.000	14.359.000.000
Công ty Cổ phần May Tiến Tiến	9.327.200.000	9.327.200.000
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	7.268.031.132	7.268.031.132
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	6.780.774.959	6.780.774.959
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	6.645.000.000	6.645.000.000
Công ty Cổ phần May Công Tiến	6.460.000.000	6.460.000.000
Công ty Cổ phần May Tây Đô	6.415.500.000	6.415.500.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	5.272.500.000	5.272.500.000
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	3.041.864.740	3.041.864.740
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	2.450.000.000	2.450.000.000
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	2.371.195.263	2.371.195.263
Công ty Cổ phần May Việt Tân	1.829.800.000	1.829.800.000
	<u>112.959.706.094</u>	<u>112.959.706.094</u>
Đầu tư dài hạn khác		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	22.146.820.000	22.146.820.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex	15.150.000.000	15.150.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	15.061.750.000	15.061.750.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và sản xuất kinh doanh dệt may Việt nam	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	5.764.800.000	5.764.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Vinatex	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Chỉ May Phong Việt	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần VDA Đà Nẵng	280.000.000	280.000.000
	<u>70.403.370.000</u>	<u>70.403.370.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	(610.245.274)	(704.652.917)
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	(1.820.413.917)	(1.868.201.766)
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	(398.190.095)	-
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	-	(633.799.376)
Ngân hàng TMCP Đông Á	(9.823.363.200)	(7.813.374.450)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(3.876.132.141)	(10.203.441.441)
	<u>(16.528.344.627)</u>	<u>(21.223.469.950)</u>
Đầu tư dài hạn thuần	<u>238.459.996.707</u>	<u>233.764.871.384</u>

12506
HI NH
CÔNG
NHIỆM
LOI
ỆT N
TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thay đổi trong khoản dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	21.223.469.950	20.623.306.891
Trích lập trong kỳ/năm	2.408.178.845	3.851.728.157
Hoàn nhập trong kỳ/năm	(7.103.304.168)	(3.251.565.098)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>16.528.344.627</u>	<u>21.223.469.950</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	13.539.011.988	13.935.167.244
Tăng trong kỳ/năm	10.794.964.374	11.902.641.567
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(10.832.392.002)	(12.298.796.823)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>13.501.584.360</u>	<u>13.539.011.988</u>

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện các khoản tiền ký quỹ thuê mặt bằng, cửa hàng, kho với thời hạn thuê trên 1 năm. Các khoản ký quỹ này sẽ được thu hồi khi hợp đồng thuê hết thời hạn và được thanh lý.

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại (i)	111.633.463.180	130.352.364.127
Vay ngắn hạn khác (ii)	61.673.760.432	61.884.760.432
Nợ dài hạn đến hạn trả (iii)	156.916.000.000	-
	<u>330.223.223.612</u>	<u>192.237.124.559</u>

- i) Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước cho mục đích thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong nước và thanh toán tiền hàng nhập khẩu. Các khoản vay này được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ với tổng hạn mức là 300.000.000.000 đồng và 8.000.000 đô la Mỹ. Các khoản vay này không có bảo đảm và thời hạn vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn. Lãi suất vay và thời hạn trả nợ gốc vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
- ii) Các khoản vay ngắn hạn khác bao gồm vay Hội cựu chiến binh Tổng Công ty, Kinh phí công đoàn, Quỹ "Vi người nghèo", Quỹ Xã hội Từ thiện, huy động từ cán bộ công nhân viên Tổng Công ty và Quỹ Đảng phí. Các khoản vay này đáo hạn trong vòng 1 năm, không có bảo đảm và không chịu lãi suất.
- iii) Nợ dài hạn đến hạn trả thể hiện giá trị 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi bắt buộc sau 3 năm với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu cho các cổ đông hiện hữu và khoản lợi tức lũy kế phải trả cho các trái chủ. Tổng Công ty đã được chấp thuận cho việc đăng ký phát hành trái phiếu này ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 055/GCN-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 12 tháng 12 năm 2012. Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày đáo hạn là 1:10. Trái phiếu được hưởng lãi suất cố định 5%/năm và nhận lãi tại ngày đáo hạn vào ngày 01 tháng 02 năm 2016.

002
INH
TY
HỮU HẠN
TE
M
CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tổng Công ty chưa đánh giá và ghi nhận tách biệt giá trị của thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của trái phiếu chuyển đổi bắt buộc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của trái phiếu chuyển đổi. Thông tư 210 định nghĩa trái phiếu chuyển đổi là công cụ tài chính phức hợp và yêu cầu giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ tài chính phức hợp được phân bổ cho thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính phức hợp bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả. Theo đó, Tổng Công ty đang ghi nhận toàn bộ giá trị trái phiếu chuyển đổi như là một khoản vay dài hạn.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh 31)	207.425.543.522	120.462.634.124
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.163.653.932.496	717.067.952.972
	<u>1.371.079.476.018</u>	<u>837.530.587.096</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.782.829.819	17.037.994.051
Các loại thuế khác	5.823.976.895	6.385.286.243
	<u>23.606.806.714</u>	<u>23.423.280.294</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả quyền sử dụng đất tại Hóc Môn (i)	11.958.381.600	11.958.381.600
Phải trả tiền hỗ trợ đại lý	12.823.282.347	5.647.959.594
Phải trả khác	7.070.722.307	3.311.367.211
Cổ tức phải trả	-	84.000.000.000
	<u>31.852.386.254</u>	<u>104.917.708.405</u>

(i) Khoản phải trả cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với quyền sử dụng lô đất tại Ấp Mỹ Hòa 4, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh được ghi nhận căn cứ vào chứng thư thẩm định giá của Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đề ngày 18 tháng 5 năm 2010.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện số dư khoản dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc được trích lập theo chính sách kế toán của Tổng Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VỐN ĐIỀU LỆ

Số lượng cổ phần, tỉ lệ nắm giữ và vốn góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động/niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 30/6/2015			Tại ngày 31/12/2014		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	13.405.920	47,88	134.059.200.000	13.405.920	47,88	134.059.200.000
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	3.965.000	14,16	39.650.000.000	3.965.000	14,16	39.650.000.000
Tungshing Sewing Machine Co., Ltd. (Hong Kong)	2.783.000	9,94	27.830.000.000	2.783.000	9,94	27.830.000.000
Khác	7.846.080	28,02	78.460.800.000	7.846.080	28,02	78.460.800.000
	28.000.000	100	280.000.000.000	28.000.000	100	280.000.000.000

Cổ phần

	30/6/2015	31/12/2014
Được phép phát hành:		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

22. QUỸ

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND
Tại ngày 01/01/2014	170.073.325.008	28.000.000.000
Tăng trong kỳ/năm	67.651.890.411	-
Tại ngày 31/12/2014 và 30/6/2015	<u>237.725.215.419</u>	<u>28.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

Thay đổi trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 VND
Số đầu kỳ/năm	18.431.747.930	14.953.912.314
Tăng trong kỳ/năm:	150.624.686.491	280.676.481.041
- Lợi nhuận trước thuế	150.624.686.491	280.676.481.041
Giảm trong kỳ/năm:	32.157.506.742	277.198.645.425
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	32.157.506.742	55.170.179.672
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	32.157.506.742	55.170.179.672
- Lợi nhuận chia cho các cổ đông:	-	98.000.000.000
+ Trích thêm cổ tức 5% vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013, theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên	-	14.000.000.000
+ Trích cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014	-	84.000.000.000
- Phân phối các quỹ trong kỳ/năm:	-	124.028.465.753
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	67.651.890.411
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng theo kết quả kinh doanh	-	56.376.575.342
Số dư cuối kỳ/năm	<u>136.898.927.679</u>	<u>18.431.747.930</u>

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty mẹ đã đề xuất mức chia cổ tức cho năm 2014 là 30% trên vốn điều lệ của Tổng Công ty tương đương 84.000.000.000 đồng. Toàn bộ cổ tức đã được tạm trích trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 84.000.000.000 đồng tương ứng với 30% vốn điều lệ. Toàn bộ số cổ tức của năm 2014 đã được thanh toán đủ cho các cổ đông trong kỳ.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.633.018.456.557	1.275.469.707.565
Chi phí nhân công	491.683.475.823	445.537.444.434
Chi phí khấu hao	35.881.332.228	21.494.924.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	765.191.568.379	666.893.204.809
Chi phí khác	50.727.507.648	63.711.476.092
	<u>2.976.502.340.635</u>	<u>2.473.106.757.296</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.984.455.183	5.426.399.406
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.251.779.674	8.651.654.890
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.048.784.020	4.740.662.898
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.867.909.339
	25.285.018.877	20.686.626.533

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	3.500.000.000	3.500.060.172
Dự phòng đầu tư tài chính	2.408.178.845	2.202.409.736
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(7.103.304.168)	(380.608.602)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.870.767.899	3.466.251.379
Chi phí tài chính khác	2.120.000.000	1.730.000.000
	7.795.642.576	10.518.112.685

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	110.500.000	181.272.725
Thu nhập từ tài sản dùng cho thuê	4.213.694.990	4.165.183.310
Các khoản thu khác	1.248.283.739	1.072.549.279
Thu nhập khác	5.572.478.729	5.419.005.314
Khấu hao tài sản dùng cho thuê	1.143.985.558	2.287.712.166
Các khoản chi khác	779.730.012	755.115.856
Chi phí khác	1.923.715.570	3.042.828.022
Lợi nhuận khác	3.648.763.159	2.376.177.292

2500-00
NHÁNH
NG TY
HIỆM HỮU
OITTE
NAM
HỒ CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾNSố 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	150.624.686.491	134.024.206.017
Cộng:	3.361.800.000	4.599.889.500
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.241.800.000	1.087.393.000
- Chênh lệch dự phòng trợ cấp thôi việc theo luật lao động và theo luật thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.782.496.500
- Chi thường cho các đơn vị liên kết, liên doanh	2.120.000.000	1.730.000.000
Trừ:	(7.816.001.299)	(20.046.234.013)
- Lợi nhuận được chia từ liên kết, liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh	(7.251.779.674)	(8.651.654.890)
- Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	(564.221.625)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	-	(11.394.579.123)
Thu nhập chịu thuế	146.170.485.192	118.577.861.504
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định	32.157.506.742	26.087.129.531
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.157.506.742	26.087.129.531

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (năm 2014: 22%) trên thu nhập chịu thuế.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	23.433.229.193	19.172.508.458

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động/niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	38.515.635.850	25.770.933.742
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	56.851.024.544	37.698.118.831
Sau năm năm	18.018.025.434	17.312.122.700
	113.384.685.828	80.781.175.273

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê mặt bằng và nhà xưởng của Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức tại số 219 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 8.179.380.000 đồng/năm. Hợp đồng được ký với thời hạn dự kiến là 25 năm và ký hợp đồng thuê theo từng giai đoạn 5 năm kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2014 đối với thuê nhà xưởng và từ ngày 01 tháng 12 năm 2013 đối với thuê mặt bằng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

- Tổng số tiền thuê các cửa hàng, văn phòng của Tổng Công ty để bán hàng, giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Thời hạn thuê và giá thuê được quy định theo từng hợp đồng cụ thể.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động/niên độ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	330.223.223.612	345.653.124.559
Trừ: Tiền	<u>(65.193.816.341)</u>	<u>(149.602.216.602)</u>
Nợ thuần	265.029.407.271	196.050.907.957
Vốn chủ sở hữu	<u>708.787.898.008</u>	<u>590.320.718.259</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,37</u>	<u>0,33</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	65.193.816.341	149.602.216.602
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.187.133.042.901	1.093.006.239.212
Các khoản đầu tư tài chính	318.063.526.100	223.266.554.109
Các khoản ký quỹ, ký cược	40.537.615.419	40.433.899.419
Tổng	<u>1.610.928.000.761</u>	<u>1.506.308.909.342</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	330.223.223.612	345.653.124.559
Phải trả người bán và phải trả khác	1.421.547.200.918	944.169.175.771
Chi phí phải trả	20.298.193.462	9.279.820.835
Các khoản nhận ký quỹ	12.253.497.798	15.647.525.564
Tổng	<u>1.784.322.115.790</u>	<u>1.314.749.646.729</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	Công nợ phải trả		Tài sản	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (“USD”)	1.171.992.804.572	754.325.777.422	1.077.623.738.760	1.024.495.012.296
Yên Nhật (“JPY”)	21.663.950.360	22.035.332.358	-	-

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% (2014: 1%) so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% (2014: 1%) được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% (2014: 1%) thay đổi của tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% (2014: 1%) thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
USD	(1.887.381.316)	2.259.560.224
JPY	<u>(433.279.007)</u>	<u>(259.967.404)</u>

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty đánh giá rủi ro lãi suất ở mức thấp do các khoản vay và nợ (Thuyết minh số 16) được thực hiện theo mức lãi suất thấp so với thị trường. Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay không chịu lãi suất và các khoản vay hộ cho Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiền – Tung Shing (phần vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại tại phần (i) thuyết minh số 16) với toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh sẽ được Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiền – Tung Shing thanh toán. Khoản nợ dài hạn đến hạn trả thể hiện giá trị 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi bắt buộc sau 3 năm với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu với lãi suất cố định 5%/năm.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30/6/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền	65.193.816.341	-	65.193.816.341
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.176.135.130.824	10.997.912.077	1.187.133.042.901
Các khoản đầu tư tài chính	318.063.526.100	-	318.063.526.100
Các khoản ký quỹ, ký cược	-	40.537.615.419	40.537.615.419
	1.559.392.473.265	51.535.527.496	1.610.928.000.761
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	330.223.223.612	-	330.223.223.612
Phải trả người bán và phải trả khác	1.421.547.200.918	-	1.421.547.200.918
Chi phí phải trả	20.298.193.462	-	20.298.193.462
Các khoản nhận ký quỹ	-	12.253.497.798	12.253.497.798
	1.772.068.617.992	12.253.497.798	1.784.322.115.790
Chênh lệch thanh khoản thuần	(212.676.144.727)	39.282.029.698	(173.394.115.029)
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền	149.602.216.602	-	149.602.216.602
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.082.008.327.135	10.997.912.077	1.093.006.239.212
Các khoản đầu tư tài chính	223.266.554.109	-	223.266.554.109
Các khoản ký quỹ, ký cược	-	40.433.899.419	40.433.899.419
	1.454.877.097.846	51.431.811.496	1.506.308.909.342
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	192.237.124.559	153.416.000.000	345.653.124.559
Phải trả người bán và phải trả khác	944.169.175.771	-	944.169.175.771
Chi phí phải trả	9.279.820.835	-	9.279.820.835
Các khoản nhận ký quỹ	-	15.647.525.564	15.647.525.564
	1.145.686.121.165	169.063.525.564	1.314.749.646.729
Chênh lệch thanh khoản thuần	309.190.976.681	(117.631.714.068)	191.559.262.613

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Hạn mức tín dụng còn lại có thể sử dụng từ các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 16 là 300.000.000.000 đồng và 2.874.497 đô la Mỹ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH Việt Tiến Meko	Công ty con
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	Công ty con
Công ty TNHH May Tiến Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Nam Thiên	Công ty con
Công ty TNHH May Thuận Tiến	Công ty con
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Hưng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Công Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	Công ty liên kết
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Việt Tân	Công ty liên kết
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	Hợp tác kinh doanh
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	Hợp tác kinh doanh
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	Cổ đồng chiến lược

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu		
<u>Các công ty con</u>		
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	3.150.202.150	2.926.690.134
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	1.829.628.800	911.111.909
Công ty TNHH May Tiến Thuận	4.001.070.165	531.654.075
Công ty TNHH Nam Thiên	192.408.000	253.949.345
Công ty TNHH May Thuận Tiến	<u>5.247.273.077</u>	<u>181.759.000</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾNSố 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu (tiếp theo)		
<u>Các công ty liên doanh, liên kết</u>		
Công ty Cổ phần Việt Hưng	359.195.625	2.251.515.237
Công ty Cổ phần May Công Tiến	5.843.102.178	1.350.293.779
Công ty Cổ phần May Tây Đô	3.627.508.000	1.165.226.545
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	50.000.000	982.233.264
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	2.143.918.085	822.734.225
Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	924.083.530	728.630.150
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	208.101.961	219.008.155
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	180.765.045	89.354.455
Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	352.717.778	70.000.000
Công ty Cổ phần Tổng hợp Ninh Thuận	45.000.000	45.000.000
Công ty Cổ phần May Việt Tân	4.422.396.300	41.000.000
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	1.148.678.232	-
<u>Cổ đông chiến lược</u>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	767.870.087.118	668.669.357.850
Mua hàng		
<u>Các công ty con</u>		
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	124.789.892.981	100.447.848.382
Công ty TNHH May Thuận Tiến	76.846.195.978	61.527.573.129
Công ty TNHH May Tiền Thuận	61.230.882.884	56.774.779.416
Công ty TNHH Nam Thiên	41.289.171.083	33.287.381.394
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	110.541.725	136.184.759
<u>Các công ty liên doanh, liên kết</u>		
Công ty Cổ phần May Công Tiến	126.802.289.673	110.556.912.630
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	82.388.414.613	75.295.182.561
Công ty Cổ phần Việt Hưng	964.290.672	-
Công ty Cổ phần May Tây Đô	72.322.966.730	63.495.951.137
Công ty Cổ phần May Việt Tân	65.789.431.673	54.913.358.778
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	15.978.824.446	13.413.749.707
Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	3.873.264.605	3.485.430.305
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	2.479.850.685	2.478.517.930
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	2.018.278.178	2.423.171.287
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	-	99.440.890
Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	-	61.420.000
<u>Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</u>		
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	127.951.022.915	1.417.776.680
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	5.718.120.000	1.169.472.205
<u>Cổ đông chiến lược</u>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	535.897.702.574	298.931.945.283

112500
HI NH
ÔNG
NHIỆM
LỐI
T NA
TP. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lương và các khoản phụ cấp	2.103.187.133	2.036.984.879

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động/niên độ kế toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
--	------------------	-------------------

Phải thu thương mại

Các công ty con

Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	6.066.346	13.470.512
Công ty TNHH May Tiến Thuận	2.514.728.150	305.309.334
Công ty TNHH Nam Thiên	219.990.040	3.867.496
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	221.194.600	6.512.000
Công ty TNHH May Thuận Tiến	5.645.268.200	9.916.187

Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần May Công Tiến	5.905.487.056	3.768.453.517
Công ty Cổ phần May Việt Tân	8.846.333.356	4.229.749.934
Công ty Cổ phần Việt Hưng	354.607.688	143.208.450
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	22.781.998	390.048.053
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	1.712.969.676	102.217.940
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	36.040.000	13.344.650
Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	160.641.977	61.308.606
Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	27.538.912	-
Công ty Cổ phần May Tây Đô	3.549.906.800	-

Cổ đông chiến lược

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	488.751.279.616	400.607.781.775
---	-----------------	-----------------

Phải thu khác

Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	101.422.847.221	98.850.938.888
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	24.720.000.000	24.000.000.000
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	800.000.000	800.000.000

Trả trước cho nhà cung cấp

Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	10.780.000	1.470.000.000
Công ty Cổ phần May Việt Tân	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	3.200.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	8.000.000.000	-

Ký quỹ dài hạn


Các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	34.575.552.000	34.575.552.000
--------------------------------	----------------	----------------



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀNSố 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả thương mại		
<u>Các công ty con</u>		
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	82.920.826.519	65.696.530.245
Công ty TNHH May Thuận Tiến	37.302.628.097	12.666.653.441
Công ty TNHH Nam Thiên	19.303.020.289	29.047.822.816
Công ty TNHH May Tiến Thuận	6.911.452.328	7.438.984.324
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	<u>105.388.532</u>	<u>548.906.089</u>
<u>Các công ty liên doanh, liên kết</u>		
Công ty Cổ phần May Công Tiến	31.722.593.206	1.493.534.725
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	3.888.999.350	768.637.914
Công ty Cổ phần May Tây Đô	12.609.721.933	82.145.874
Công ty Cổ phần May Việt Tân	5.732.258.312	1.717.959.110
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	4.750.028.002	-
Công ty TNHH Nhân Thời Trang Việt Tiến	124.158.320	790.777.995
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	-	5.277.756
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	921.821.817	283.611.847
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	539.424.657	11.782.000
Công ty Cổ phần Việt Hưng	<u>293.222.160</u>	<u>-</u>
<u>Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</u>		
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	<u>14.497.203.600</u>	<u>-</u>
<u>Cổ đông chiến lược</u>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	<u>542.224.896.492</u>	<u>200.532.759.620</u>
Phải trả dài hạn khác		
<u>Công ty con</u>		
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	<u>9.580.351.398</u>	<u>12.824.379.164</u>
Người mua trả tiền trước		
<u>Cổ đông chiến lược</u>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	<u>45.167.184.531</u>	<u>42.077.645.419</u>
Phải thu nội bộ		
<u>Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</u>		
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	149.156.155.350	136.327.005.307
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	<u>2.452.260.515</u>	<u>479.620.120</u>
Phải thu nội bộ		
<u>Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</u>		
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	18.002.095.993	2.775.231.857
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS	<u>1.439.883.140</u>	<u>1.315.060.857</u>


Nguyễn Bích Thủy
Người lập


Nguyễn Trâm Anh
Kê toán trưởng



Bùi Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2015